

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2012/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2012

THÔNG TƯ**Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng
ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam**

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 25 tháng 12 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005,

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng,

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng,

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Kế hoạch và Đầu tư như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kế hoạch và Đầu tư bao gồm: Đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, tiêu chuẩn khen thưởng; hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua; hình thức, thẩm quyền quyết định trao tặng; thủ tục đề nghị xét khen thưởng; thẩm quyền thành lập, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng Khoa học, sáng kiến các cấp; Quỹ Thi đua, khen thưởng và xử lý các vi phạm về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng**1. Đối tượng thi đua:**

- a) Tập thể, cá nhân đang công tác tại cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*kể cả cá nhân các đơn vị thuộc Bộ đang công tác tại Văn phòng đại diện theo nhiệm kỳ*);
- b) Tập thể, cá nhân đang công tác tại Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*gọi tắt là các Sở*);
- c) Tập thể, cá nhân đang công tác tại Ban Quản lý các Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Kinh tế (*gọi tắt là các Ban Quản lý*);

2. Đối tượng khen thưởng:

- a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư này;
- b) Tập thể, cá nhân thuộc các Hiệp hội, Hội nghề nghiệp trực thuộc Bộ (*về lĩnh vực tổ chức và lĩnh vực chuyên môn*);
- c) Các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của các Ban Quản lý; các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã.
- d) Tập thể, cá nhân làm công tác kế hoạch và đầu tư ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc các Bộ, ban, ngành ở trung ương và địa phương.
- đ) Tập thể, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài công tác tại các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư.

3. Riêng các cá nhân, tập thể thuộc Tổng cục Thống kê thực hiện theo Quy chế Thi đua, Khen thưởng ngành Thống kê kèm Quyết định số 718/QĐ-TCTK ngày 02/11/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

4. Giải thích từ ngữ.

Trong Thông tư hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Thi đua: Là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b) Khen thưởng: Là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- c) Danh hiệu thi đua: Là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua.

d) Khối thi đua: Là việc tổ chức phân chia các đơn vị thuộc Bộ thành từng Khối có tính đặc thù riêng để ký kết giao ước thi đua, xây dựng mục tiêu chung và phân đấu, thi đua hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

đ) Cụm thi đua: Là việc tổ chức các Sở, Ban Quản lý thành từng Cụm để ký kết giao ước thi đua, xây dựng mục tiêu chung và phân đấu, thi đua hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

e) Vùng thi đua: Là việc tổ chức các Cục Thống kê thành từng Vùng để ký kết giao ước thi đua, xây dựng mục tiêu chung và phân đấu, thi đua hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

f) Nhóm thi đua: Là việc tổ chức phân chia các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê thành từng Nhóm có tính đặc thù riêng để ký kết giao ước thi đua, xây dựng mục tiêu chung và phân đấu, thi đua hoàn thành mục tiêu đã đề ra

g) Các đơn vị thuộc Bộ: Được hiểu là các đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư được quy định tại Điều 3, Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh, Trường Cao Đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng.

h) Đối tượng là cá nhân: Bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên (*kể cả nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn được đóng bảo hiểm*).

Điều 3. Mục tiêu thi đua, khen thưởng

Công tác thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực, động viên, khuyến khích và tôn vinh các tập thể, cá nhân hăng hái thi đua lao động sáng tạo, vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Chính xác, công khai, dân chủ, công bằng và kịp thời trên cơ sở đánh giá đúng hiệu quả công tác của các tập thể, cá nhân; coi trọng chất lượng đảm bảo đúng tiêu chuẩn; những thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn hơn được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn;

b) Xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả phong trào thi đua;

c) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng trong các lần thi đua khác nhau; một đối tượng chỉ được nhận một hình thức khen thưởng trong cùng một nội dung thi đua;

d) Kết hợp chặt chẽ giữa động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

đ) Chú trọng khen thưởng tập thể và cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ hoặc đang công tác tại khu vực miền núi cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo;

e) Những cá nhân, tập thể không đăng ký thi đua hoặc đăng ký thi đua không đúng thủ tục, thời hạn sẽ không được xét khen thưởng.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 5. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng ngành Kế hoạch và Đầu tư; phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn Ngành.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở, Trưởng ban các Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, chủ động phối hợp với tổ chức Đảng, đoàn thể cùng cấp chỉ đạo, tổ chức phát động và duy trì thường xuyên phong trào thi đua, nhân rộng các phong trào thi đua và các gương điển hình tiên tiến trong phạm vi Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua mà đơn vị là thành viên; chủ động phát hiện, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định tại Thông tư hướng dẫn này.

Điều 6. Trách nhiệm của Vụ Thi đua - Khen thưởng

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, đoàn thể có liên quan tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ trong việc phát động, chỉ đạo, duy trì, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua trong toàn Ngành.

2. Tham mưu, đề xuất với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng về công tác khen thưởng (*khen thưởng xuyên, khen chuyên đề, khen đột xuất và khen quá trình cống hiến*).

3. Là đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký thi đua và đề nghị khen thưởng; tổng hợp, thẩm định và trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định

các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong toàn Ngành và các đối tượng quy định tại Điều 2, Khoản 2, Mục b, c, d, đ và Khoản 3.

Điều 7. Trách nhiệm của các Báo, Tạp chí trong ngành Kế hoạch và Đầu tư

Các Báo, Tạp chí của ngành Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện các gương người tốt, việc tốt, các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua để nêu gương, nhân rộng các điển hình; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng trong ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 8. Quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng

1. Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng được nhận Quyết định khen thưởng, tiền thưởng hoặc hiện vật (*theo quy định tại Thông tư này*); được xem xét nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định; được ưu tiên cử đi nghiên cứu học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước.

2. Tập thể được tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng được nhận Quyết định khen thưởng và hiện vật (*theo quy định tại Thông tư này*) cấp giấy khen, bằng khen, giấy chứng nhận và tiền thưởng theo quy định; có quyền lưu giữ, trưng bày hiện vật được khen thưởng, được kê khai thành tích trong các văn bản, tài liệu của cơ quan, đơn vị.

3. Cá nhân, tập thể được công nhận các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng có trách nhiệm phát huy thành tích đã đạt được, tiếp tục phấn đấu để đạt danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cao hơn.

Chương III

HÌNH THỨC, NỘI DUNG TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên: Là hình thức thi đua được thực hiện hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhằm thực hiện mục tiêu và chương trình công tác đề ra. Ngành Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thi đua thường xuyên và được chia theo Khối thi đua, Cụm thi đua, Vùng thi đua và Nhóm thi đua để ký kết giao ước thi đua.

2. Thi đua theo đợt, theo chuyên đề: Là hình thức thi đua nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất của đơn vị trong từng giai đoạn nhất định.

Điều 10. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, đề ra các chỉ tiêu, khẩu hiệu, nội dung thi đua và thời hạn thi đua. Việc xác định nội dung và tiêu chí thi đua phải khoa học, có tính khả thi và phù hợp với thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị.

2. Xác định biện pháp tổ chức phong trào thi đua; có hình thức phát động thi đua phù hợp, coi trọng công tác tuyên truyền, phát huy tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, tập thể.

3. Phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua; vận động, theo dõi quy trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm làm tốt cho các đối tượng tham gia thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết thi đua để đánh giá kết quả, tác dụng của phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét, biểu dương, khen thưởng cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 11. Đăng ký danh hiệu thi đua; ký giao ước thi đua

1. Đầu năm, các đơn vị tổ chức cho cá nhân, tập thể đăng ký thi đua và gửi bản đăng ký thi đua của tập thể, cá nhân (*theo mẫu số 6*) về Vụ Thi đua - Khen thưởng trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

2. Đối với chương trình, đề án lớn, các cuộc Tổng điều tra, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và đăng ký cụ thể số lượng các hình thức khen thưởng (*cấp Bộ, cấp Nhà nước*) với Vụ Thi đua - Khen thưởng.

3. Căn cứ vào nội dung phong trào thi đua hàng năm do Bộ trưởng - Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ phát động, các Khối, Cụm, Vùng thi đua tổ chức để các cơ quan, đơn vị tham gia ký giao ước thi đua (*trực tiếp hoặc gián tiếp*) thể hiện quyết tâm hưởng ứng, thực hiện phong trào thi đua đã đề ra.

Điều 12. Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua ngành Kế hoạch và Đầu tư

1. Các Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua trong ngành Kế hoạch và Đầu tư được tổ chức như sau:

a) Khối thi đua các đơn vị thuộc Bộ: Gồm 04 khối.

b) Cụm thi đua các Sở: Gồm 09 cụm.

c) Cụm thi đua các Ban Quản lý: Gồm 09 cụm.

d) Vùng thi đua các Cục Thống kê: Gồm 10 vùng.

đ) Nhóm thi đua của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê: Gồm 04 nhóm.

(có phụ lục danh sách các Khối, Cụm, Vùng, Nhóm kèm theo)

2. Trách nhiệm và nhiệm vụ của Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua:

a) Đầu năm (*quý I*) họp đề ký giao ước thi đua, bầu Khối trưởng (*Khối phó*), Cụm trưởng (*Phó Cụm trưởng*), Trưởng vùng (*Phó Trưởng vùng*), Trưởng Nhóm (*Phó Trưởng Nhóm*); xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể của từng năm, từng giai đoạn; phát động thi đua nhằm thực hiện các mục tiêu, chương trình của quốc gia của Bộ và địa phương cho từng Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua.

b) Cuối năm (*quý IV*) họp bình chọn, suy tôn các đơn vị tiêu biểu đề nghị Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng “Cờ thi đua cấp Bộ” và “Bằng khen của Bộ trưởng”.

c) Trưởng và Phó của Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua là Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý và Cục Thống kê được bố trí luân phiên hàng năm theo đề nghị của từng Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua; thư ký Khối, Cụm, Vùng thi đua là cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị làm Khối trưởng, Cụm trưởng, Trưởng vùng và Trưởng Nhóm thi đua.

Điều 13. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân bao gồm: “Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”; “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; và được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác của cơ quan, đơn vị.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể bao gồm: “Tập thể lao động tiên tiến”; “Tập thể lao động xuất sắc”; “Cờ thi đua cấp Bộ”; “Cờ thi đua của Chính phủ” và được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác của cơ quan, đơn vị.

3. Việc áp dụng các danh hiệu thi đua

a) Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- Đối với các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Áp dụng tất cả các danh hiệu thi đua, (*Riêng danh hiệu “Cờ thi đua cấp Bộ”, “Cờ thi đua của Chính phủ” không áp dụng đối với các đơn vị là phòng, ban*)

- Đối với các Sở, Ban Quản lý: Chỉ áp dụng danh hiệu “Cờ thi đua cấp Bộ”.

Điều 14. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tiêu chuẩn chung:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chính sách, quy định, nội quy của Ngành, của đơn vị và địa phương; có tinh thần tự lực, đoàn kết, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

- Có đạo đức và lối sống lành mạnh;
- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Đạt số điểm tối thiểu từ 81 điểm trở lên (*chấm theo mẫu 3b*).

b) Đối với cán bộ, công chức là Thủ trưởng đơn vị (*Tổng cục, Cục, Vụ, Viện, Trung tâm...*), ngoài các tiêu chuẩn trên, đơn vị phải đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

c) Các cá nhân được cử đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên, chấp hành tốt các quy định của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì lấy kết quả học tập với kết quả công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp đi học tập, đào tạo từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm học đó được xếp tương đương danh hiệu “Lao động tiên tiến” để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác.

d) Đối tượng cán bộ nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản do bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

đ) Đối với cá nhân chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (*đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên*).

e) Không xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho các trường hợp không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ việc từ 40 ngày làm việc trở lên; bị xử phạt hành chính; bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tiêu chuẩn chung:

- Là “Lao động tiên tiến”;
- Có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp quản lý hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác, được Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận hoặc tham gia (*chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, thư ký*) đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Tổng cục, cấp cơ sở được đánh giá xếp loại khá trở lên.

b) Ngoài các tiêu chuẩn trên, đối với cán bộ, công chức là Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ thì đơn vị phải đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

c) Số lượng, tỷ lệ

Tỷ lệ bình bầu không quá 20% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của đơn vị (*nếu số dư quá bán được bầu thêm 01*), trong đó tỷ lệ bình bầu của lãnh đạo đơn vị là ba lãnh đạo được bầu một lãnh đạo. Đối với các đơn vị dưới 10 người được bầu 02 chiến sĩ thi đua cơ sở, trong đó lãnh đạo đơn vị tối đa là một người.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”

Được xét tặng cho cá nhân đạt cả 2 tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (*gồm: Lần vào năm được đề nghị khen và 2 năm liền kề trước đó*);

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân có ảnh hưởng rộng trong phạm vi toàn ngành Kế hoạch và Đầu tư và được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp Bộ xem xét, công nhận.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Được xét tặng cho cá nhân đạt cả 2 tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 2 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” (*gồm: Lần vào năm được đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc và lần liền kề trước đó*);

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân có ảnh hưởng rộng trong phạm vi toàn quốc và được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp Bộ, ngành xem xét, công nhận.

Điều 15. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tiêu chuẩn chung:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao; thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chính sách, quy định, nội quy của Ngành, của đơn vị và địa phương;

- Tổ chức duy trì phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả. Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đạt trong sạch, vững mạnh;

- Có ít nhất 95% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Phải đạt số điểm tối thiểu từ 81 điểm trở lên (*chấm theo mẫu 3a*).

b) Đối với các đơn vị mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 1 năm (12 tháng) trở lên mới bình xét danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến".

2. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

Được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tiêu chuẩn chung

- Là "Tập thể lao động tiên tiến";

- Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ được giao với chất lượng và hiệu quả cao;

- Tổ chức duy trì phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả;

- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

- Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Phải đạt số điểm tối thiểu từ 91 điểm trở lên (*chấm theo mẫu 3a*).

b) Số lượng, tỷ lệ:

- Đối với các đơn vị thuộc Bộ: Do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định;

- Đối với các phòng, ban (*thuộc các Cục, Vụ, Viện, Trung tâm...*) được bầu không quá 40% tổng số các phòng, ban của đơn vị. Nếu số dư quá bán thì được bầu thêm một tập thể (*Tỷ lệ này áp dụng đối với tất cả các tập thể có tên gọi là phòng, ban*)

3. Danh hiệu "Cờ thi đua cấp Bộ"

Được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tiêu chuẩn chung:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là những tập thể tiêu biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác;

- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong ngành Kế hoạch và Đầu tư học tập; được bình chọn, suy tôn là tập thể xuất sắc, dẫn đầu trong các Khối, Cục, Vùng, Nhóm thi đua;

- Nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

b) Số lượng, tỷ lệ:

- Khối: Các đơn vị thuộc Bộ	09 cờ
- Cụm: Các Sở Kế hoạch và Đầu tư	09 cờ
- Cụm: Các Ban quản lý	09 cờ
- Vùng: Các Cục Thống kê	10 cờ
- Nhóm: Các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê	04 cờ

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tiêu chuẩn chung:

- Là tập thể tiêu biểu, xuất sắc được xét chọn trong số những tập thể đã được xét tặng “Cờ thi đua cấp Bộ”;

- Có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

- Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

b) Số lượng: Số lượng “Cờ thi đua của Chính phủ” hàng năm không quá 20% tổng số những tập thể được tặng “Cờ thi đua cấp Bộ”.

Chương IV

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, TIÊU CHUẨN CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP BÌNH BẦU

Điều 16. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng thường xuyên: Là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hàng năm hoặc thực hiện kế hoạch nhiều năm.

2. Khen thưởng chuyên đề: Là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt thành tích xuất sắc khi sơ kết, tổng kết thực hiện các chương trình mục tiêu, một cuộc tổng điều tra hoặc một đề án, chuyên đề gắn với nhiệm vụ quản lý, quy hoạch, xây dựng cơ chế chính sách phát triển kinh tế xã hội.

3. Khen thưởng đột xuất: Là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc, có phát minh, sáng chế, công trình khoa học xuất sắc cấp Nhà nước, giải pháp tổ chức quản lý có tác dụng nêu gương trong Bộ, ngành (không nằm trong chỉ tiêu thi đua, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

4. Khen thưởng quá trình cống hiến: Là hình thức khen thưởng cho các cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (*giữ các chức vụ lãnh đạo quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội*), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại: Là hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị ngoài Ngành và người nước ngoài đã có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 17. Hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng của Nhà nước: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động; Huy chương Hữu nghị, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hình thức khen thưởng của Bộ:

a) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam" và Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam".

c) Các Giải thưởng của Bộ.

3. Hình thức khen thưởng của thủ trưởng cơ quan, đơn vị (*đã phân cấp*) có tài khoản riêng, con dấu riêng, có tư cách pháp nhân: Giấy khen.

4. Việc áp dụng các hình thức khen thưởng

a) Đối với các đơn vị thuộc Bộ:

- Đối với các Vụ, Văn phòng, Thanh tra... (*đơn vị không phân cấp*): Áp dụng Khoản 1, Khoản 2, của Điều này.

- Đối với các Cục, Viện, Trung tâm... (*đơn vị đã phân cấp*): Áp dụng Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 của Điều này.

b) Đối với các Sở, Ban Quản lý: Áp dụng Khoản 2 Điều này.

Điều 18. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

"Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huy chương Hữu nghị", "Danh hiệu vinh dự Nhà nước", "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", "Huân chương lao động", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" thực hiện theo quy định tại Chương III Luật Thi đua, Khen thưởng và Chương III Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 19. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Bộ**1. “Bằng khen của Bộ trưởng”**

a) “Bằng khen của Bộ trưởng” được tặng cho cá nhân trong Ngành đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực học tập nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (gồm: *Lần vào năm được đề nghị khen và năm liền kề trước đó*);

Số lượng, tỷ lệ:

+ Đối với các đơn vị thuộc Bộ: Do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định.

+ Đối với các Sở, Ban: Tính theo tỷ lệ trung bình 20 cá nhân được bầu 01 cá nhân, nếu số dư quá bán được bầu thêm 01.

- Lập thành tích xuất sắc, được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, theo chuyên đề do Bộ phát động;

- Có nhiều cống hiến đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư được xét tặng nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Ngành, cơ quan, đơn vị vào các năm tròn, năm chẵn (5 năm, 10 năm); và đối với các cá nhân trước khi nghỉ chế độ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao nhưng chưa được tặng “Bằng khen của Bộ trưởng”.

- Các trường hợp khác Bộ trưởng xem xét, quyết định.

b) “Bằng khen của Bộ trưởng” được tặng cho tập thể trong Ngành đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh và có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” (gồm: *Lần vào năm được đề nghị khen và năm liền kề trước đó*).

Số lượng, tỷ lệ:

+ Đối với các đơn vị thuộc Bộ: Do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định.

+ Đối với các Sở, Ban: Tập thể các Sở, Ban (Do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định); đối với các phòng (ban) được tính theo tỷ lệ trung bình cứ 05 phòng được bầu 01 phòng nếu số dư quá bán được bầu thêm một.

- Lập thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, theo chuyên đề;

c) Tặng cho các thành viên trong Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua có thành tích xuất sắc hàng năm do các Khối, Cụm, Vùng, Nhóm bình xét, đề nghị (*số lượng khen thưởng được căn cứ tình hình cụ thể của từng năm*)

d) Tặng cho các Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư.

đ) Tặng cho các tập thể, cá nhân thuộc các Hiệp hội, Hội nghề nghiệp trực thuộc Bộ (*về lĩnh vực tổ chức và lĩnh vực chuyên môn*) đã có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

e) Tặng cho các tập thể, cá nhân ngoài ngành Kế hoạch và Đầu tư (*trong và ngoài nước*) có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư.

2. Kỷ niệm chương

a) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam" thực hiện theo Thông tư số 05/2012/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam".

b) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam" thực hiện theo Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam" được ban hành kèm theo Quyết định số 848/QĐ-BKHĐT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Giấy khen của thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ (đã phân cấp)

Tiêu chuẩn Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 50 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 20. Nguyên tắc bình bầu

1. Việc xét khen thưởng được tiến hành khi kết thúc 01 năm công tác, một cuộc vận động, một đợt thi đua theo chuyên đề, một cuộc tổng điều tra hoặc khi phát hiện gương người tốt, việc tốt.

2. Cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng phải đạt trên 70% số phiếu hoặc biểu quyết và số người tham gia họp bình xét khen thưởng phải lớn hơn hoặc bằng 80% tổng số cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên của đơn vị hoặc thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị.

a) Cá nhân thuộc diện được bình xét khen thưởng: Là người có thời gian làm việc, học tập từ 10 tháng trở lên, bao gồm cả những người nghỉ chế độ thai sản. Cá nhân ở nơi khác chuyển đến nếu thời gian làm việc chưa đủ 10 tháng phải có giấy xác nhận của đơn vị cũ (*về thời gian công tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ*).

b) Người được quyền tham gia bỏ phiếu, biểu quyết: Là người có thời gian làm việc tại đơn vị ít nhất được 6 tháng trở lên.

c) Việc bình bầu được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết. Riêng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua” các cấp, khi bình bầu bắt buộc phải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Điều 21. Phương pháp bình bầu, chấm điểm

1. Việc bình bầu tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Cá nhân, tập thể tự đánh giá, chấm điểm (*biểu 3a & 3b*).

Bước 2: Đơn vị họp đánh giá, chấm điểm cho từng cá nhân và tập thể cấp phòng, ban. Đối với tập thể và thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ: Do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định.

2. Đối với các Vụ, Văn phòng, Thanh tra... (*đơn vị không phân cấp*):

a) Các đơn vị (*không có phòng, ban*): Tổ chức họp, bình bầu các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tại đơn vị và đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (*qua Vụ Thi đua - Khen thưởng*) xem xét, quyết định.

b) Các đơn vị (*có phòng, ban*): Tổ chức họp, bình bầu tại các phòng, ban; sau đó Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của đơn vị xét, đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (*qua Vụ Thi đua - Khen thưởng*) xem xét, quyết định.

3. Đối với các Cục, Viện, Trung tâm... (*đơn vị phân cấp*): Tổ chức họp, bình bầu tại các đơn vị trực thuộc; sau đó thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền phân cấp; trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (*qua Vụ Thi đua - Khen thưởng*) xem xét, quyết định các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cao hơn.

4. Đối với Lãnh đạo Bộ: Lãnh đạo Bộ sinh hoạt Đảng ở đơn vị nào thì bình xét khen thưởng hàng năm tại đơn vị đó.

5. Đối với các đơn vị trực thuộc Tổng cục Thống kê: Tổ chức họp, bình bầu theo Quy chế Thi đua - Khen thưởng của ngành Thống kê. Quyết định các danh hiệu thi đua theo thẩm quyền quy định; trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (*qua Vụ Thi đua - Khen thưởng*) xem xét, quyết định đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng bậc cao.

6. Đối với các Sở, Ban Quản lý: Tổ chức họp, bình bầu tại các đơn vị thuộc Sở, Ban Quản lý; trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (*qua Vụ Thi đua - Khen thưởng*) xem xét, quyết định.

7. Đối với các Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua: Tổ chức họp, bình xét khen thưởng vào dịp tổng kết năm; trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (*qua Vụ Thi đua - Khen thưởng*) xem xét, quyết định.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC HỒ SƠ VÀ QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 22. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng: “Huân chương”, “Huy chương”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Danh hiệu vinh dự Nhà nước”; danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại các Điều 77 và 78 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Bộ trưởng quyết định:

a) Tặng: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, danh hiệu “Cờ thi đua cấp Bộ”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và các hình thức khen thưởng: “Bằng khen của Bộ trưởng”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam”; Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam” (*cho các tập thể, cá nhân các đơn vị thuộc Bộ*).

b) Tặng danh hiệu: “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với tập thể, cá nhân các đơn vị thuộc Bộ (*không phân cấp*).

c) Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ.

d) Tặng danh hiệu “Cờ thi đua cấp Bộ” cho các Sở và Ban Quản lý các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tặng “Bằng khen của Bộ trưởng” cho các tập thể, cá nhân thuộc các Sở, Ban Quản lý và tặng “Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam” cho cá nhân thuộc các Sở, Ban Quản lý.

đ) Tặng danh hiệu “Cờ thi đua cấp Bộ” và “Bằng khen của Bộ trưởng” cho thành viên trong các Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua.

e) Tặng “Bằng khen của Bộ trưởng” cho các Doanh nghiệp (*quy định tại Điều 2, Khoản 2, Mục e*)

f) Tặng “Bằng khen của Bộ trưởng” và “Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam”; Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam” cho các tập thể, cá nhân ngoài ngành (*khen đối ngoại*).

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ (*Cục, Viện, Trung tâm...đơn vị đã phân cấp*) quyết định tặng: Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và hình thức “Giấy khen” cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị quản lý.

Điều 23. Tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nghi thức trao tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", "Cờ thi đua của Chính phủ" và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ “Về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

2. Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng được tổ chức trao tặng cùng buổi lễ trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và được kết hợp vào dịp Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm hoặc tổng kết công tác Ngành, lồng ghép các nội dung khác của đơn vị để tiết kiệm thời gian và chi phí.

3. Trường hợp đơn vị có nhu cầu tổ chức đón nhận riêng thì Thủ trưởng đơn vị chủ động lập kế hoạch, phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng để tổ chức công bố, trao tặng cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị theo đúng nghi thức quy định.

Điều 24. Tuyển trình khen thưởng

1. Nguyên tắc trình khen:

a) Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

b) Cấp chủ trì phát động các đợt thi đua là cấp lựa chọn cá nhân, tập thể xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Trong một năm, không trình hai hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho một đối tượng, trừ các trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất.

d) Các trường hợp đề nghị tặng thưởng Huân chương có tiêu chuẩn liên quan đến "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", thì sau 2 năm được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" mới được đề nghị xét tặng Huân chương.

2. Các cấp trình khen:

a) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình: Thủ tướng Chính phủ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương*) khen thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ

tướng Chính phủ”; “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Huân chương”, “Huy chương”, “các danh hiệu vinh dự Nhà nước” cho tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ.

b) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ: Trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định Bộ trưởng và đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý của đơn vị.

c) Giám đốc các Sở, Trưởng ban các Ban Quản lý: Trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định tặng:

- “Cờ thi đua cấp Bộ” và “Bằng khen của Bộ trưởng” cho tập thể Sở, Ban Quản lý.

- “Bằng khen của Bộ trưởng” cho các tập thể phòng (*ban*), cá nhân thuộc đơn vị quản lý.

- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam” thực hiện theo Thông tư số 05/2012/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Đối với các Doanh nghiệp (*quy định tại Điều 2, Khoản 2, Mục c*): Cấp nào quyết định thành lập, cấp giấy phép kinh doanh, cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài hoặc quyết định cổ phần hóa cho doanh nghiệp đó thì cấp đó trình khen thưởng.

đ) Thủ trưởng các đơn vị Hiệp hội, Hội nghề nghiệp trực thuộc Bộ (*về lĩnh vực tổ chức và lĩnh vực chuyên môn*) trình khen cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý của đơn vị.

e) Đối với đơn vị ngoài ngành (*khen đối ngoại*):

- Ở Trung ương: Do các đơn vị trực thuộc Bộ lập hồ sơ (*danh sách và văn bản xác nhận thành tích*) gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*qua Vụ Thi đua - Khen thưởng*).

- Ở địa phương: Do Sở, Ban Quản lý lập hồ sơ (*danh sách và tờ trình nêu rõ thành tích*); có ý kiến của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*qua Vụ Thi đua - Khen thưởng*).

Điều 25. Quy trình đề nghị khen thưởng

1. Đối với đơn vị trình khen:

a) Các đơn vị thuộc Bộ (*không phân cấp*): Lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng (*theo đúng mẫu và thời gian quy định*).

b) Các đơn vị thuộc Bộ (đã phân cấp):

- Thủ trưởng đơn vị quyết định khen thưởng theo thẩm quyền: Tập thể lao động tiên tiến, lao động tiên tiến, giấy khen, chiến sỹ thi đua cơ sở. (*riêng chiến sỹ thi đua cơ sở là thủ trưởng đơn vị do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định*).

- Lập hồ sơ đề nghị khen thưởng (từ cấp Bộ trở lên) cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng theo đúng mẫu và thời gian quy định.

c) Khối Sở, Ban Quản lý: Lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng theo đúng mẫu và thời gian quy định.

d) Khen thưởng ngoài ngành (*khen đối ngoại*): Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được quy định tại Điều 24, Khoản 2, Mục e lập hồ sơ cho tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng theo đúng mẫu và thời gian quy định.

2. Đối với Vụ Thi đua - Khen thưởng:

a) Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng hoặc hiệp ý khen thưởng, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thẩm định các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng hợp trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xem xét, quyết định hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng bằng văn bản.

b) Căn cứ kết luận của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm:

- Trình Bộ trưởng ký Quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền cấp Bộ cho các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn được khen thưởng.

- Hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương*): Gồm dự thảo Tờ trình kèm danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Băng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, đồng thời xem xét trình Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương các loại”.

c) Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm đề xuất và tư vấn các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với các đồng chí Lãnh đạo Bộ; trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định.

d) Đối với hồ sơ sai tiêu chuẩn hoặc chưa đúng quy định, sau khi xem xét (*10 ngày làm việc*), Vụ Thi đua - Khen thưởng sẽ có thông báo và trả lại đơn vị trình để bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định.

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và nhận được Quyết định khen thưởng của các cấp có thẩm quyền, Vụ Thi đua - Khen thưởng phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm thông báo quyết định khen thưởng trên “Công Thông tin điện tử” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 26. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đối với các đơn vị thuộc Bộ:

a) Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng (01 bản: Mẫu số 1);

b) Trích Biên bản họp bình xét khen thưởng (01 bản: Mẫu số 2);

c) Báo cáo thành tích của tập thể và cá nhân đề nghị khen thưởng:

- Khen thưởng cấp Bộ: 01 bản báo cáo thành tích. Riêng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” phải có xác nhận của Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở công nhận (tập thể: Mẫu báo cáo thành tích số 1, cá nhân: Mẫu báo cáo thành tích số 2).

- Đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng “Bằng khen của Thủ tướng”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: 03 bản báo cáo thành tích (tập thể: Mẫu báo cáo thành tích số 1, cá nhân: Mẫu báo cáo thành tích số 2).

- Đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng tặng “Huân chương các loại..”: 04 bản báo cáo thành tích (tập thể: Mẫu báo cáo thành tích số 1, cá nhân: Mẫu báo cáo thành tích số 2).

2. Đối với khối Sở, Ban Quản lý các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng (01 bản: Mẫu số 1);

b) Trích Biên bản họp bình xét khen thưởng (01 bản: Mẫu số 2);

c) Biểu chấm điểm của Sở, Ban Quản lý (01 bản: Mẫu số 4 & 5);

d) Báo cáo thành tích của tập thể và cá nhân đề nghị khen thưởng: 01 bản (tập thể: Mẫu báo cáo thành tích số 1, cá nhân: Mẫu báo cáo thành tích số 2). Đối với tập thể Sở, Giám đốc Sở; tập thể Ban Quản lý, Trưởng ban Ban Quản lý phải có ý kiến hiệp ý của UBND tỉnh, thành phố.

3. Hồ sơ khen thưởng ngoài ngành (khen đối ngoại) gồm: Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng, trích biên bản, báo cáo thành tích (tập thể: Mẫu báo cáo thành tích số 1, cá nhân: Mẫu báo cáo thành tích số 2).

4. Hồ sơ khen thưởng đối với các trường hợp đặc biệt khác (phong tặng Anh hùng trong thời kỳ đổi mới, khen đột xuất, khen chuyên đề, khen quá trình cống hiến) gồm:

a) Tờ trình (01 bản: Mẫu số 1);

b) Trích Biên bản họp bình xét khen thưởng của cơ quan, đơn vị (01 bản: Mẫu số 2);

c) Báo cáo thành tích (từ mẫu số 4 đến mẫu số 7).

5. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho đơn vị và Thủ trưởng đơn vị phải có xác nhận của cơ quan tài chính về những nội dung sau:

a) Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;

b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;

c) Đã nộp đủ và nộp đúng thời hạn các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

6. Quy định chung khi gửi hồ sơ:

Toàn bộ hồ sơ trình khen cấp Bộ, Chính phủ và Chủ tịch nước, ngoài việc gửi bằng văn bản theo các quy định trên, đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ trình khen (ở dạng .doc) về địa chỉ mail: tdkt@mpi.gov.vn đối với các tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân để Vụ Thi đua - Khen thưởng tổng hợp và chuyển hồ sơ kèm file điện tử đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Điều 27. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Khen thưởng thường xuyên:

a) Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ: Ngày 15/01 hàng năm (gửi trực tiếp). Riêng Tổng cục Thống kê đợt 1: Ngày 31/12; đợt 2 ngày 15/01 hàng năm.

- Các đơn vị thuộc Sở, Ban Quản lý: Ngày 31/01 hàng năm (tính theo dấu bưu điện);

- Các đơn vị thuộc khối đào tạo (Học viện, Trường): Ngày 15/01 hàng năm (tính theo dấu bưu điện);

- Các Cụm, Khối, Vùng, Nhóm thi đua: Ngày 10/02 hàng năm (tính theo dấu bưu điện).

- Riêng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các đơn vị (đã phân cấp): Giao Thủ trưởng các đơn vị quy định.

2. Khen thưởng đột xuất, khen thưởng chuyên đề: Sau 15 ngày, kể từ khi lập được thành tích đột xuất hoặc sau khi kết thúc chuyên đề công tác. Riêng các cuộc Tổng điều tra, gửi hồ sơ sau 90 ngày kết thúc Tổng điều tra chu kỳ 5 năm, 180 ngày sau kết thúc Tổng điều tra chu kỳ 10 năm.

3. Khen thưởng quá trình cống hiến: Ngày 30/6 hàng năm.

4. Khen thưởng ngoài Ngành (khen đối ngoại) thuộc thẩm quyền Bộ trưởng: Gửi hồ sơ trước 15 ngày (ngày làm việc) đến ngày nhận quyết định.

5. Đối với danh hiệu "Anh hùng Lao động", "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú", "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước": Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và các văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 28. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Quản lý hồ sơ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm quản lý hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước; tổng hợp nộp hồ sơ lưu trữ theo quy định hiện hành.

2. Quản lý hồ sơ tại các đơn vị: Các đơn vị có trách nhiệm tổ chức quản lý, lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến công tác Thi đua - Khen thưởng của đơn vị.

3. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý và lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng các cấp.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CÁC CẤP

Điều 29. Thẩm quyền quyết định thành lập và thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học, sáng kiến các cấp

1. Bộ trưởng quyết định thành lập và chỉ định thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ: Để chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng và xét duyệt, công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu... trước khi xét tặng danh hiệu thi đua các cấp đối với các đơn vị thuộc Bộ và toàn Ngành.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ quyết định thành lập và chỉ định thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở của đơn vị: Để chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng và xét duyệt, công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu... trước khi xét tặng danh hiệu thi đua đối với cá nhân thuộc đơn vị.

Điều 30. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học, sáng kiến các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học, sáng kiến các cấp có chức năng tư vấn, đề xuất với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cùng cấp về công tác thi đua, khen thưởng; làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết theo đa số. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội

đồng Khoa học, sáng kiến ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

2. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ quyền hạn cụ thể của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng do Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quy định.

3. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ quyền hạn cụ thể của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học, sáng kiến đơn vị do Thủ trưởng các đơn vị quy định.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 31. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Hàng năm, Văn phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm bố trí kinh phí phục vụ cho công tác thi đua, khen thưởng của Bộ theo quy định tại khoản 1, Điều 67, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Mức trích tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư khuyến khích cá nhân, tập thể trong và ngoài Ngành hỗ trợ, đóng góp để bổ sung Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ.

Điều 32. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý và sử dụng toàn bộ Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được sử dụng:

- Chi tiền thưởng hoặc mua tặng phẩm cho các đối tượng sau: Tập thể, cá nhân công tác tại các đơn vị thuộc Bộ (*đơn vị không phân cấp*) được Chủ tịch Nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng khen thưởng;

- Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm kỷ niệm chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen;

- Hàng năm trích 20% Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua bao gồm các nhiệm vụ sau:

+ Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;

+ Xây dựng, tổ chức phát động và triển khai các phong trào thi đua; theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong ngành, lĩnh vực trong phạm vi cơ quan Bộ; các hoạt động thi đua, khen thưởng Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua;

+ Kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng;

+ Tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị thuộc Bộ *(đã được phân cấp)*: Do các đơn vị quản lý và sử dụng theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính cụ thể:

a) Chi tiền thưởng cho các cá nhân, tập thể thuộc đơn vị được Chủ tịch Nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng thưởng;

b) Chi tiền thưởng cho các cá nhân, tập thể được Thủ trưởng đơn vị khen thưởng theo thẩm quyền;

c) Chi cho công tác tổ chức phong trào thi đua và các hoạt động phục vụ công tác thi đua, khen thưởng.

3. Đối với các Sở, Ban Quản lý: Đơn vị tự chi tiền thưởng đối với các quyết định khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư “Cờ thi đua cấp Bộ”, “Bằng khen của Bộ trưởng”, “Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam” cho các tập thể, cá nhân do đơn vị quản lý và trình khen.

4. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 33. Nguyên tắc chi thưởng

1. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Ví dụ: Năm 2009, ông Nguyễn Văn A được công nhận là “Lao động tiên tiến”, sau đó được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” năm 2009, thì chỉ được nhận tiền thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, *(tương tự như vậy đối với tập thể)*.

2. Trong cùng một thời điểm một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

Ví dụ: Năm 2007, 2008, 2009 ông Nguyễn Văn A được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, kết thúc năm 2009 được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ” thì ông Nguyễn Văn A được nhận tiền thưởng của danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” năm 2009 và cả tiền thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ”.

3. Trong cùng thời điểm một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

Ví dụ: Năm 2009 ông Nguyễn Văn A được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và cũng trong năm 2009 được tặng “Bằng khen của Bộ trưởng” thì ông Nguyễn Văn A được nhận tiền thưởng của danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và tiền thưởng “Bằng khen của Bộ trưởng”, *(tương tự như vậy đối với tập thể)*.

Chương VIII

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 34. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Vụ Thi đua - Khen thưởng Bộ có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các đơn vị thuộc Bộ; các Sở; Ban Quản lý; Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Thủ trưởng đơn vị trong Ngành có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị do mình quản lý.

3. Trưởng Khối, Trưởng Cụm, Trưởng Vùng và Trưởng Nhóm thi đua có trách nhiệm kiểm tra phong trào thi đua của Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua theo các Giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 35. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên khen thưởng.

Điều 36. Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tập thể gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng, bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

2. Thủ trưởng đơn vị xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ cho người khác để đề nghị khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

3. Việc giải quyết khiếu nại tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thực hiện theo Điều 98 Luật Thi đua, Khen thưởng và theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Bãi bỏ các quy định hiện hành

Các quy định tại Thông tư này thay thế các quy định của Thông tư số 08/2009/TT-BKH ngày 16 tháng 10 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn công tác thi đua - khen thưởng ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam.

Điều 38. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2012.

Điều 39. Tổ chức thực hiện

1. Định kỳ hàng năm các đơn vị thuộc Bộ, các Sở, Ban Quản lý các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua tiến hành tổng kết cuối năm, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng, bình xét khen thưởng và gửi báo cáo về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

2. Khi phát động thi đua và sau mỗi đợt thi đua, các đơn vị thuộc Bộ, các Sở, Ban Quản lý các tỉnh, thành phố, các Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua có trách nhiệm gửi báo cáo về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để theo dõi và làm căn cứ xét thưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Thông tư hướng dẫn này.

4. Trên cơ sở các nội dung trong Thông tư hướng dẫn, Vụ Thi đua - Khen thưởng đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc triển khai thực hiện Thông tư hướng dẫn trong toàn Ngành. Định kỳ báo cáo Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ kết quả việc triển khai thực hiện.

5. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các Sở, Ban Quản lý, các Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua tổ chức triển khai thực hiện Thông tư hướng dẫn này, xây dựng quy chế và cụ thể hóa các tiêu chuẩn phù hợp với tình hình hoạt động và đặc thù của đơn vị, Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua.

6. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc hoặc phát hiện những điểm chưa phù hợp, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban các Ban Quản lý, Trưởng Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Bộ trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Bùi Quang Vinh

MỤC LỤC

Nội dung tiêu đề
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
Điều 2. Đối tượng áp dụng
Điều 3. Mục tiêu thi đua, khen thưởng
Điều 4. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng
Chương II. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA CÁC TỔ CHỨC CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG
Điều 5. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng
Điều 6. Trách nhiệm của Vụ Thi đua - Khen thưởng
Điều 7. Trách nhiệm của các Báo, Tạp chí trong ngành Kế hoạch và Đầu tư
Điều 8. Quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng
Chương III. HÌNH THỨC, NỘI DUNG TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA
Điều 9. Hình thức tổ chức thi đua
Điều 10. Nội dung tổ chức phong trào thi đua
Điều 11. Đăng ký danh hiệu thi đua; ký giao ước thi đua
Điều 12. Khối, Cụm, Vùng, Nhóm thi đua ngành Kế hoạch và Đầu tư
Điều 13. Danh hiệu thi đua
Điều 14. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với cá nhân
Điều 15. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với tập thể
Chương IV. HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, TIÊU CHUẨN CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP BÌNH BẦU
Điều 16. Các loại hình khen thưởng
Điều 17. Hình thức khen thưởng
Điều 18. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước
Điều 19. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Bộ
Điều 20. Nguyên tắc bình bầu
Điều 21. Phương pháp bình bầu, chấm điểm

Chương V. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ, QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 22. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Điều 23. Tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Điều 24. Tuyến trình khen thưởng

Điều 25. Quy trình đề nghị khen thưởng

Điều 26. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

Điều 27. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

Điều 28. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Chương VI. HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CÁC CẤP

Điều 29. Thẩm quyền quyết định thành lập và thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học, sáng kiến các cấp

Điều 30. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học, sáng kiến các cấp

Chương VII. QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 31. Nguồn và mức trích Quỹ Thi đua, khen thưởng

Điều 32. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

Điều 33. Nguyên tắc chi thưởng

Chương VIII. KIỂM TRA XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Điều 34. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

Điều 35. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

Điều 36. Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Chương IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Bãi bỏ các quy định hiện hành

Điều 38. Hiệu lực thi hành

Điều 39. Tổ chức thực hiện

PHỤ LỤC CÁC BIỂU MẪU

Hệ thống biểu mẫu	Nội dung
Mẫu số 1	Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng
Mẫu số 2	Trích Biên bản họp xét khen thưởng
Mẫu số 3a	Biểu điểm đánh giá đối với tập thể (<i>đối với đơn vị thuộc Bộ</i>)
Mẫu số 3b	Biểu điểm đánh giá đối với cá nhân (<i>đối với đơn vị thuộc Bộ</i>)
Mẫu số 4	Biểu điểm đánh giá đối với các Sở Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu số 5	Biểu điểm đánh giá đối với các Ban Quản lý
Mẫu số 6	Mẫu đăng ký thi đua
	* Mẫu báo cáo thành tích, Mẫu bằng công nhận danh hiệu và phụ lục
Mẫu số 7.1	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua và Bằng khen của Bộ trưởng đối với tập thể, Tập thể lao động xuất sắc, Giấy khen
Mẫu số 7.2	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua và Bằng khen của Bộ trưởng đối với cá nhân, Giấy khen
Mẫu số 7.3	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng (hoặc truy tặng) Huân chương cho cá nhân có quá trình cống hiến trong các tổ chức, cơ quan và đoàn thể
Mẫu số 7.4a	Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới
Mẫu số 7.4b	Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng (truy tặng) danh hiệu Anh hùng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới
Mẫu số 7.5	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất)
Mẫu số 7.6	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề (cho tập thể, cá nhân)

Hệ thống biểu mẫu	Nội dung
Mẫu số 7.7	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (cho tập thể, cá nhân người nước ngoài)
Mẫu số 8	Mẫu bằng công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”...
Phụ lục 1	Danh sách Khối các đơn vị thuộc Bộ
Phụ lục 2	Danh sách Cụm các đơn vị thuộc Sở KHĐT
Phụ lục 3	Danh sách Cụm các đơn vị thuộc Ban Quản lý các KCN, KCX, KKT
Phụ lục 4	Danh sách Vùng các Cục Thống kê
Phụ lục 5	Danh sách Nhóm các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê

Mẫu số 1

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-....

Tỉnh (thành phố)⁽¹⁾, ngày... tháng... năm....

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị khen thưởng năm ...

Kính gửi: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 25 tháng 12 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005,

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng,

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn Thi đua - Khen thưởng ngành Kế hoạch, Đầu tư Việt Nam.

Căn cứ kết quả phiên họp ngày.....tháng.....năm⁽²⁾ Kính đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân ...⁽³⁾ có thành tích xuất sắc trong công tác năm

(Xin gửi kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng)

Nơi nhận:

- Như trên; Vụ TĐKT;

-

- Lưu: VT, ...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Địa danh.

(2): Tên cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng.

(3): Chỉ ghi số lượng tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

Danh sách Đề nghị khen thưởng năm

TT	Tên tập thể, cá nhân	Chức vụ (đối với cá nhân)	Ghi chú
I	Khen cấp bộ (tập thể)		
1	Tập thể lao động tiên tiến		
2	Tập thể lao động xuất sắc		
3	Cờ thi đua cấp Bộ		
4	Cờ thi đua của Chính phủ		
5	Bằng khen của Bộ trưởng		
II	Khen cấp bộ (cá nhân)		
1	Lao động tiên tiến		
	Ông (bà).....		
2	Chiến sỹ thi đua cơ sở		Tên, giải pháp, sáng kiến...
3	Chiến sỹ thi đua cấp bộ		Tên, giải pháp, sáng kiến...
4	Chiến sỹ thi đua toàn quốc		Tên, giải pháp, sáng kiến...
5	Bằng khen của Bộ trưởng		
III	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
1	Tập thể		
2	Cá nhân (ông, bà)		
IV	Huân chương.....		
1	Tập thể		
2	Cá nhân (ông, bà)		
		

Ghi chú:

- Đề nghị ghi rõ: a) Tổng số cán bộ của đơn vị: người.
b) Tổng số phòng (ban):.....
- Đối với các đơn vị thuộc Bộ (đã phân cấp):
a) Phải gửi kèm theo Quyết định “Chiến sỹ thi đua cơ sở” của đơn vị;
b) Danh sách đề nghị khen thưởng của đơn vị không bao gồm “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Giấy khen” (các danh hiệu này do đơn vị quyết định).

Mẫu số 2

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố)⁽¹⁾, ngày... tháng... năm....

TRÍCH BIÊN BẢN HỌP
Về việc xét đề nghị tặng thưởng năm.....

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng⁽²⁾ họp để bình, xét khen thưởng cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác....đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian: giờ phút, ngày tháng năm

Địa điểm:

Chủ trì cuộc họp: Đ/c, Chủ tịch Hội đồng TĐKT (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng TĐKT)

Thư ký cuộc họp: Đ/c, chức vụ:

Thành viên Hội đồng TĐKT tham dự gồm các đồng chí:

1. Đ/c chức vụ:..... Chủ tịch Hội đồng TĐKT;

2. Đ/c chức vụ:.....

3. Đ/c chức vụ:.....

.....

Sau khi Hội đồng đã họp phân tích, đánh giá thành tích của các cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng, Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín.

Kết quả kiểm phiếu:

STT	Tên cá nhân/tập thể	Mức khen	Số phiếu đạt/tổng số phiếu ⁽³⁾
...	(phiếu kín đối với danh hiệu "CSTĐ")

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng năm

Thư ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Địa danh

(2): Tên cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng.

(3): Đối với danh hiệu CSTĐ các cấp bắt buộc phải bỏ phiếu kín.

Mẫu số 3a**BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI TẬP THỂ***(Đối với các đơn vị thuộc Bộ)*

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm
1	Phát huy tinh thần <i>sáng tạo, vượt mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc</i> chức năng nhiệm vụ được giao; Trong đó:	50	
	Hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao đúng chương trình, kế hoạch đề ra với chất lượng cao. (Các đề án, báo cáo trong chương trình công tác của Bộ, đề tài khoa học hoàn thành đúng thời gian)	30	
	Báo cáo hàng tuần, tháng, quý, năm đầy đủ, chất lượng	10	
	Xử lý văn bản nhanh chóng, kịp thời, không để tồn đọng văn bản chậm giải quyết	10	
2	Có trách nhiệm cao trong việc phối hợp công tác với các đơn vị trong và ngoài cơ quan	10	
3	Nội bộ đoàn kết, thực hiện nghiêm Quy chế Dân chủ ở cơ sở; chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị	10	
4	Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	
5	Thường xuyên rà soát các quy định, thủ tục hành chính theo các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và tính hiệu quả để bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung	10	
6	Tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước; tham gia tích cực các phong trào của cơ quan và các hoạt động xã hội khác; chấp hành tốt các quy định của Bộ về công tác thi đua, khen thưởng	10	
	Tổng cộng	100	

Mẫu số 3b**BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN***(Đối với cá nhân các đơn vị thuộc Bộ)*

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm tập thể chấm
1	Nắm vững về chuyên môn nghiệp vụ, chủ động trong công tác và hoàn thành nhiệm vụ được giao với chất lượng cao và đúng tiến độ quy định	40		
2	Thường xuyên rà soát các quy định, thủ tục hành chính theo các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và tính hiệu quả để bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung	10		
3	Thái độ làm việc lịch sự, văn minh, có tinh thần trách nhiệm phối hợp công tác với các đồng nghiệp, các đơn vị trong và ngoài cơ quan	10		
4	Có tinh thần đoàn kết, chấp hành tốt các nội quy, quy định của cơ quan, thực hành tiết kiệm chống lãng phí	10		
5	Tham gia tích cực các phong trào thi đua và các hoạt động xã hội của cơ quan	10		
6	Tham gia và có nhiều đóng góp tích cực trong các tổ chức, đoàn thể (Đảng, công đoàn, nữ công, đoàn thanh niên)	10		
7	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ	10		
	Tổng cộng	100		

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 4

UBND TỈNH
Sở Kế hoạch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh(thành phố), ngày... tháng... năm....

BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THI ĐUA
ĐỐI VỚI CÁC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm
1	Phối hợp với các ban, ngành và huyện thị xây dựng và tổng hợp được toàn bộ kế hoạch phát triển KT-XH trên địa bàn theo đúng các nội dung hướng dẫn và tiến độ quy định của Bộ	10	
2	Chấp hành đúng quy trình lập kế hoạch. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện ghi kế hoạch như điều tra, khảo sát, lập quy hoạch và kế hoạch chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án	10	
3	Giao kế hoạch đúng thời hạn quy định	10	
4	Phân bổ kế hoạch theo đúng mục tiêu và cơ cấu, không bố trí dàn trải và không có dự án chưa đủ thủ tục đầu tư bố trí trong kế hoạch	10	
5	Theo dõi tình hình thực hiện KH, tham mưu đặc lực cho tỉnh trong điều hành KH, đề xuất và thực hiện các biện pháp chống thất thoát, lãng phí vốn đầu tư và các nguồn lực khác; tích cực đóng góp ý kiến xây dựng cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương	15	
6	Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ đúng thời gian, nội dung quy định. Giữ mối quan hệ thông tin thường xuyên với Bộ	15	
7	Thường xuyên rà soát các quy định, thủ tục hành chính theo các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và tính hiệu quả để bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung. Cùng cố xây dựng hệ thống tổ chức, đào tạo cán bộ của ngành kế hoạch tại địa phương	10	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm
8	Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ; chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	
9	Tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước; tham gia tích cực các phong trào của cơ quan và toàn ngành. Chấp hành tốt quy định của Bộ về công tác thi đua, khen thưởng	10	
Tổng cộng		100	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 5

UBND TỈNH
BQL các KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh(thành phố), ngày... tháng... năm....

BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THI ĐUA
ĐỐI VỚI BAN QUẢN LÝ CÁC KCN, KCX, KKT

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm
1	Quản lý và giám sát KCN, KCX, KKT phát triển theo đúng quy hoạch và thiết kế kỹ thuật được phê duyệt của tỉnh (thành phố), Trung ương và đảm bảo đúng tiến độ đã được quy định	20	
2	Vận động đầu tư, tham mưu cho lãnh đạo địa phương có chính sách ưu đãi khuyến khích thu hút đầu tư. Đảm bảo số dự án mới đầu tư vào KCN, KCX, KKT của tỉnh (thành phố) đạt 100% kế hoạch đề ra	20	
3	Thường xuyên rà soát các quy định, thủ tục hành chính theo các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và tính hiệu quả để bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung. công khai hóa thủ tục và thực hiện cơ chế một cửa; cho thuê hạ tầng, cấp giấy phép và ưu đãi đầu tư đúng theo thẩm quyền và ủy quyền	10	
4	Tổ chức tốt công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện giấy phép đầu tư, phát triển và cho thuê dịch vụ hạ tầng; dịch vụ đào tạo cung cấp lao động và chế độ chính sách đối với người lao động; dịch vụ xuất nhập khẩu, giao nhận, ngân hàng, hải quan	15	
5	Bảo vệ tốt môi trường và an ninh trật tự an toàn xã hội. Quản lý tốt biên chế, tài sản, ngân sách... được giao theo đúng quy định của pháp luật	10	

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm
6	Chấp hành tốt chế độ báo cáo định kỳ và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ đúng thời gian và nội dung quy định. Giữ mối quan hệ thông tin thường xuyên với Bộ	15	
7	Tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước; tham gia tích cực các phong trào trong cơ quan và toàn ngành. Chấp hành tốt quy định của Bộ về công tác thi đua, khen thưởng	10	
	Tổng cộng	100	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 6**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Đơn vị:.....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng...năm***BẢN ĐĂNG KÝ THI ĐUA NĂM**

Kính gửi: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hưởng ứng phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động, Lãnh đạo và Ban Chấp hành Công đoàn..... cùng toàn thể cán bộ, công chức, viên chức ...nhất trí đăng ký thi đua năm với nội dung và mục tiêu sau đây:

1. Nội dung thi đua:

.....

2. Mục tiêu phấn đấu đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong năm như sau:

a) Đối với tập thể:

.....

b) Đối với cá nhân:

.....

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, đóng dấu)*

Mẫu số (7.1)

Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng, Tập thể Lao động xuất sắc. (đối với tập thể)⁽¹⁾

ĐƠN VỊ CẤP TRÊNĐơn vị:.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**BÁO CÁO
THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG ... ⁽²⁾**

Tên tập thể đề nghị

(ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm, trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể;⁽³⁾
- Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước ⁽⁴⁾.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ⁽⁵⁾

4. Hoạt động các tổ chức Đảng, đoàn thể ⁽⁶⁾.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG .**1. Danh hiệu thi đua:**

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1). Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, 05 năm đối với Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động, Huân chương Chiến công; 03 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 năm đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua cấp Bộ, Tập thể lao động xuất sắc; 02 năm đối với Bằng khen Bộ trưởng.

(2). Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

(3). Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh cần nêu tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động, nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng...)

(4). Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các tiêu chí cơ bản trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (có so sánh với năm trước hoặc 03 năm, 05 năm trước thời điểm đề nghị).

(5). Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; công tác xây dựng đảng, đoàn thể; hoạt động xã hội, từ thiện...

(6). Nêu các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

* Số lượng trang của báo cáo thành tích quy định như sau:

a) Đối với đề nghị khen thưởng cấp Bộ: Từ 03 - 05 trang

b) Đối với đề nghị khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước: Từ 05 - 10 trang

Mẫu số (7.2)

Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua ... và Bằng khen của Bộ trưởng (đối với cá nhân) ⁽¹⁾

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN**Đơn vị:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

BÁO CÁO**THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG ... ⁽²⁾****I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH**

- Họ tên (ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)
- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:
- Quê quán ⁽³⁾:
- Trú quán:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân ⁽⁴⁾:

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG ⁽⁵⁾

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ ⁽⁶⁾

(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Báo cáo thành tích 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Độc Lập, Huân chương Quân công, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động, Huân chương Chiến công; 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 06 năm đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, 03 năm đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và 02 năm đối với Bằng khen của Bộ trưởng, 01 năm đối với Chiến sĩ thi đua cơ sở và Giấy khen.

(2): Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

(3): Đơn vị hành chính: xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).

(4): Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương; đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...).

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị trong quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác tham mưu cho lãnh đạo trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương...

(5): Nêu các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

+ Ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu thi đua trong 07 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động hạng ba, 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vv....

+ Đối với đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc":

+ Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" và 06 lần đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" trước thời điểm đề nghị;

+ Ghi rõ nội dung các sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp hữu ích trong quản lý, công tác hoặc đề tài nghiên cứu (tham gia là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học), có ý kiến xác nhận của Hội đồng sáng kiến, khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh (ghi rõ văn bản, ngày, tháng, năm) hoặc phải có giấy chứng nhận của Hội đồng kèm theo hồ sơ.

+ Đối với báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" ghi rõ thời gian 03 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở" trước thời điểm đề nghị; các sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận.

* Số lượng trang của báo cáo thành tích quy định như sau:

a) Đối với đề nghị khen thưởng cấp Bộ: Từ 03 - 05 trang

b) Đối với đề nghị khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước: Từ 05 - 10 trang

(6). Riêng đối với cá nhân các đơn vị thuộc Bộ đang công tác tại Văn phòng đại diện ở nước ngoài theo nhiệm kỳ phải có xác nhận của Lãnh đạo Đại sứ quán nơi cá nhân đang công tác.

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định

IV. KỶ LUẬT ⁽⁶⁾

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
CÁN BỘ XÁC NHẬN ⁽⁷⁾**
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO ⁽⁸⁾
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ*** Ghi chú:**

1. Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.
 2. Trường hợp có nhiều bí danh thì chỉ ghi bí danh thường dùng.
 3. Đơn vị hành chính: xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) theo địa danh mới.
 4. Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng. Đối với các trường hợp nghỉ hưu (hoặc từ trần) chưa được khen thưởng thì báo cáo quá trình công tác đến khi nghỉ hưu (hoặc từ trần).
 5. Nêu rõ các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen trở lên) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).
 6. Ghi rõ hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên từ khi công tác đến khi đề nghị khen thưởng (nếu có).
 7. Đối với cán bộ đã nghỉ hưu, trước khi xác nhận cần xem xét việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại nơi cư trú.
Đối với cán bộ thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý do Ban tổ chức tỉnh ủy hoặc thành ủy xác nhận.
 8. Đối với cán bộ đã từ trần: Đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc từ trần) thì cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu hoặc từ trần có trách nhiệm báo cáo, kê khai quá trình công tác (ghi rõ họ, tên, chức vụ người tóm tắt quá trình công tác).
- * Đối với các trường hợp đã nghỉ chế độ:** Yêu cầu phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc chấp hành chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước.

Mẫu số (7.4a)

*Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu **Anh hùng cho tập thể**
có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới ⁽¹⁾*

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Đơn vị:.....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG ... ⁽²⁾**

Tên đơn vị đề nghị*(ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)***I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị; (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức đảng, đoàn thể), những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ ⁽³⁾

2. Chức năng nhiệm vụ được giao;

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Nêu rõ những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo (về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ...) ⁽⁴⁾.

2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu ⁽⁵⁾.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ⁽⁶⁾.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể ⁽⁷⁾.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG ⁽⁸⁾

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Ghi chú:

(1). Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị (trừ trường hợp đặc biệt, đột xuất)

(2). Ghi danh hiệu đề nghị (Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân).

Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh nêu rõ tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động; nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng...)

(3). Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh: Có bảng thống kê so sánh về tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân, số sáng kiến cải tiến, áp dụng khoa học kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế; phục lợi xã hội; việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

(5). Nêu các biện pháp để đạt thành tích dẫn đầu trong đổi mới công tác quản lý Nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học ... mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ngành, địa phương được nhân dân và cấp có thẩm quyền công nhận.

(6). Việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; công tác an toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo môi trường sản xuất kinh doanh (ghi rõ trích lục văn bản số, ngày, tháng, năm của cơ quan có thẩm quyền); phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phòng chống cháy, nổ; các hoạt động xã hội, từ thiện...

(7). Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu rõ vai trò, kết quả hoạt động và xếp loại của tổ chức đảng, đoàn thể.

(8). Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen, danh hiệu thi đua) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số Quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ XÁC NHẬN*(Ký tên, đóng dấu)***NGƯỜI BÁO CÁO ⁽⁸⁾***(Ký, ghi rõ họ và tên)***XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ****Ghi chú:**

(1). Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị (trừ trường hợp đặc biệt, đột xuất).

(2). Ghi rõ danh hiệu đề nghị Nhà nước phong tặng (Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân).

(3). Đơn vị hành chính: xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố thuộc Trung ương) theo địa danh mới.

(4). Nêu rõ nội dung thành tích đạt được theo quy định tại khoản 1, điều 43 hoặc khoản 1, điều 44 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

+ Đối với lãnh đạo đơn vị cần nêu tóm tắt thành tích của đơn vị; lập bảng thống kê các chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản trong 10 năm gần đây (có so sánh với các năm trước nhằm làm rõ vai trò của cá nhân đối với tập thể).

(5). Nêu các biện pháp để đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc trong đổi mới công tác quản lý Nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, các giải pháp, kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu ...) có ý nghĩa chính trị, xã hội đối với Bộ, ngành, địa phương, được quần chúng nêu gương học tập và cấp có thẩm quyền công nhận.

(6). Gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định nơi cư trú; phẩm chất đạo đức, tác phong, xây dựng gia đình văn hóa; tham gia các phong trào thi đua; thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí và các hoạt động xã hội, từ thiện...

(7). Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen, danh hiệu thi đua) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng năm ký quyết định).

(8). Đối với cá nhân đã hy sinh (từ trần): ghi rõ họ, tên, chức vụ người viết báo cáo.

Mẫu số (7.5)

Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Đơn vị:.....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG) ...⁽¹⁾
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong ...)**

Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Đối với cá nhân ghi rõ: họ và tên (bí danh), ngày tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn, gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân ...)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ; (cá nhân)⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1). Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.
- (2). Đối với cá nhân: ký và ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng đơn vị.

Mẫu số (7.6)

*Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề
(cho tập thể, cá nhân)*

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN**Đơn vị:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG ...⁽¹⁾**

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm, trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày tháng, năm sinh; quê quán, nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả ... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua...⁽²⁾

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN

*(Ký tên, đóng dấu)***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ; (cá nhân)⁽³⁾***(Ký tên, đóng dấu)***XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ***(Ký, đóng dấu)***Ghi chú:**

(1). Ghi hình thức đề nghị khen thưởng. Chỉ áp dụng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ, ngành, địa phương; trường hợp xuất sắc, tiêu biểu mới đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

(2). Nếu là tập thể hay thủ trưởng đơn vị sản xuất, kinh doanh phải nêu việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

(3). Đối với cá nhân: Ký và ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng đơn vị.

Mẫu số (7.7)

*Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
(cho tập thể, cá nhân người nước ngoài)*

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Đơn vị:.....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG...)⁽¹⁾**

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Đối với tập thể ghi rõ trụ sở chính tại Việt Nam (nếu đơn vị, cá nhân làm việc tại Việt Nam). Cơ sở thành lập, cơ cấu tổ chức và lĩnh vực hoạt động.
- Đối với cá nhân ghi rõ họ và tên, năm sinh, giới tính, quốc tịch, đơn vị, chức vụ, trình độ chuyên môn...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Báo cáo nêu rõ kết quả đã đạt được trong sản xuất, công tác; những đóng góp của tập thể (cá nhân) đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của Bộ, ngành, địa phương hoặc đối với đất nước Việt Nam.
- Việc chấp hành chính sách, pháp luật Việt Nam (nghĩa vụ nộp ngân sách, bảo đảm quyền lợi người lao động, bảo vệ môi trường, tôn trọng phong tục tập quán...) và các hoạt động từ thiện, nhân đạo...⁽²⁾
- Những đóng góp trong việc xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với Việt Nam⁽³⁾

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
KHEN THƯỞNG XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Ghi chú:

(1). Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.

(2). Nếu là tập thể hoặc người đứng đầu đơn vị sản xuất, kinh doanh phải nêu việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

(3). Đối với cá nhân người nước ngoài chỉ xét, đề nghị khen thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ hoặc kết thúc giai đoạn công tác tại Việt Nam.

Mẫu số 8

*Mẫu công nhận danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Lao động tiên tiến",
"Chiến sỹ thi đua cơ sở" (đối với các đơn vị phân cấp):*

(Quốc huy)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC TRƯỞNG (VIỆN.....)

TẶNG DANH HIỆU
CHIẾN SỸ THI ĐUA CƠ SỞ

Ông Nguyễn Văn A

Chuyên viên Vụ.....

Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 200...

Quyết định số: ngày / /20...

Vào sổ số: /QĐ-KT

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

CỤC TRƯỞNG.....

Nguyễn văn A

1. Kích thước:

- Chiều dài: 360 mm, chiều rộng: 270 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 290 mm, chiều rộng 210 mm

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150 g/m².

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Nội dung:

- Dòng 1, 2: Quốc hiệu ⁽¹⁾

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền quyết định ⁽²⁾
- Dòng 4: Tặng danh hiệu ... ⁽³⁾.
- Dòng 5: "Tập thể lao động tiên tiến"....., "Chiến sỹ thi đua cơ sở" ⁽⁴⁾.

Khoảng trống

- Dòng 6: Tên đơn vị (cá nhân) được tặng thưởng ⁽⁵⁾.
- Dòng 7: Thành tích ⁽⁶⁾.

Khoảng trống

- Dòng 8:
 - + Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm
 - + Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm ⁽⁷⁾
- Dòng 9:
 - + Bên trái: Số sổ vàng ⁽⁸⁾.
 - Thủ trưởng cơ quan ⁽⁹⁾.

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 10: Họ và tên người ký quyết định ⁽¹⁰⁾.

*** Ghi chú:**

(1). Quốc hiệu:

+ Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).

+ Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen).

(2). Thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng (chữ in, màu đỏ).

(3). Chữ in, màu đen.

(4). Chữ in, màu đỏ.

(5). Chữ thường, màu đen.

(6). Chữ thường, đậm, màu đen.

(7). Chữ thường, đậm, nghiêng, màu đen.

(8). Chữ thường, màu đen.

(9). Chữ in, màu đen.

(10). Chữ in, màu đen.

* Cơ quan có thẩm quyền khen thưởng tự quy định cỡ chữ trong nội dung cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng./.

Phụ lục 1
DANH SÁCH KHỐI THI ĐUA
CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

I. KHỐI TỔNG HỢP

1. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân
2. Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ
3. Vụ Quản lý các khu kinh tế
4. Vụ Kinh tế đối ngoại
5. Vụ Tổ chức cán bộ
6. Vụ Thi đua - Khen thưởng
7. Thanh tra Bộ
8. Văn phòng Bộ

II. KHỐI CHUYÊN NGÀNH 1

1. Cục Quản lý đấu thầu
2. Cục Phát triển doanh nghiệp
3. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh
4. Cục Đầu tư nước ngoài
5. Tổng cục Thống kê
6. Vụ Quốc phòng, an ninh
7. Vụ Pháp chế
8. Vụ Hợp tác xã

III. KHỐI CHUYÊN NGÀNH 2

1. Vụ Tài chính, tiền tệ
2. Vụ Kinh tế công nghiệp
3. Vụ Kinh tế nông nghiệp
4. Vụ Kinh tế dịch vụ
5. Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị
6. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư
7. Vụ Lao động, văn hóa, xã hội
8. Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường
9. Vụ Quản lý quy hoạch

IV. KHỐI SỰ NGHIỆP

1. Viện Chiến lược phát triển
2. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
3. Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia
4. Trung tâm Tin học
5. Báo Đầu tư
6. Tạp chí Kinh tế và Dự báo
7. Học viện Chính sách và Phát triển.
8. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng./.

Phụ lục 2
DANH SÁCH
CỤM THI ĐUA: CÁC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

I. Cụm các tỉnh đồng bằng Sông Hồng

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình
6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình
7. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam
8. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định
9. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh
10. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc
11. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh

II. Cụm các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn
6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai
7. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang

III. Cụm các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ
6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái
7. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình

IV. Cụm các tỉnh Bắc Trung Bộ

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị
6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế

V. Cụm các tỉnh Duyên hải miền Trung

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên
6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa

VI. Cụm các tỉnh Tây Nguyên

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng

VII. Cụm các tỉnh miền Tây Nam Bộ 1

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp
6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long
7. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh

VIII. Cụm các tỉnh miền Tây Nam Bộ 2

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu
6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau

IX. Cụm các tỉnh miền Đông Nam Bộ

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai
6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
7. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận
8. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận./.

Phụ lục 3
DANH SÁCH
CỤM THI ĐUA: BAN QUẢN LÝ CÁC KCN, KCX, KKT

I. Cụm các tỉnh đồng bằng Sông Hồng

1. Ban Quản lý các KCN và KCX Hà Nội
2. Ban Quản lý KKT Hải Phòng
3. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hải Dương
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên
5. Ban Quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình
6. Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Bình
7. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam
8. Ban Quản lý các KCN tỉnh Nam Định
9. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh
10. Ban Quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc
11. Ban Quản lý KKT tỉnh Quảng Ninh

II. Cụm các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc

1. Ban Quản lý KKT Ma Lù Thàng (Lai Châu)
2. Ban Quản lý các KCN tỉnh Sơn La
3. Ban Quản lý các KCN tỉnh Lào Cai
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Cao Bằng
5. Ban Quản lý các KCN tỉnh Lạng Sơn
6. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Giang

III. Cụm các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc

1. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hòa Bình
2. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang
3. Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Kạn
5. Ban Quản lý các KCN tỉnh Tuyên Quang
6. Ban Quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ
7. Ban Quản lý các KCN tỉnh Yên Bái

IV. Cụm các tỉnh Bắc Trung Bộ

1. Ban Quản lý KKT Nghi Sơn (Thanh Hóa)
2. Ban Quản lý KKT Đông Nam - Nghệ An
3. Ban Quản lý KKT Vũng Áng
4. Ban Quản lý KKT cửa khẩu Cầu Treo

5. Ban Quản lý KKT tỉnh Quảng Bình
6. Ban Quản lý KKT tỉnh Quảng Trị
7. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô
8. Ban Quản lý các KCN tỉnh Thừa Thiên Huế

V. Cụm các tỉnh Duyên hải miền Trung

1. Ban Quản lý các KCN và Chế xuất Đà Nẵng
2. Ban Quản lý các KCN tỉnh Quảng Nam
3. Ban Quản lý KKT mở Chu Lai (Quảng Nam)
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Quảng Ngãi
5. Ban Quản lý KKT Dung Quất (Quảng Ngãi)
6. Ban Quản lý KKT tỉnh Bình Định
7. Ban Quản lý KKT tỉnh Phú Yên
8. Ban Quản lý KKT Vân Phong - Khánh Hòa

VI. Cụm các tỉnh Tây Nguyên

1. Ban Quản lý KKT tỉnh Kon Tum
2. Ban Quản lý các KCN tỉnh Gia Lai
3. Ban Quản lý các KCN tỉnh Đắk Lắk
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Đắk Nông
5. Ban Quản lý các KCN tỉnh Lâm Đồng

VII. Cụm các tỉnh miền Tây Nam Bộ 1

1. Ban Quản lý các KCX và CN Cần Thơ
2. Ban Quản lý KKT tỉnh Long An
3. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bến Tre
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Tiền Giang
5. Ban Quản lý KKT tỉnh Đồng Tháp
6. Ban Quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Long
7. Ban Quản lý KKT Trà Vinh

VIII. Cụm các tỉnh miền Tây Nam Bộ 2

1. Ban Quản lý KKT tỉnh Kiên Giang
2. Ban Quản lý KKT tỉnh An Giang
3. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hậu Giang
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Sóc Trăng
5. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bạc Liêu
6. Ban Quản lý các KCN tỉnh Cà Mau

IX. Cụm các tỉnh miền Đông Nam Bộ

1. Ban Quản lý các KCX và CN thành phố Hồ Chí Minh
2. Ban Quản lý các KCN tỉnh Tây Ninh
3. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Phước
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Dương
5. Ban Quản lý các KCN Việt Nam - Singapore
6. Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai
7. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
8. Ban Quản lý các KCN tỉnh Ninh Thuận
9. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Thuận./.

Phụ lục 4
DANH SÁCH
VÙNG THI ĐUA: CÁC CỤC THỐNG KÊ

I. Vùng các tỉnh đồng bằng Sông Hồng

1. Cục Thống kê thành phố Hà Nội
2. Cục Thống kê thành phố Hải Phòng
3. Cục Thống kê thành tỉnh Hải Dương
4. Cục Thống kê thành tỉnh Hưng Yên
5. Cục Thống kê thành tỉnh Ninh Bình
6. Cục Thống kê thành tỉnh Thái Bình
7. Cục Thống kê thành tỉnh Hà Nam
8. Cục Thống kê thành tỉnh Nam Định
9. Cục Thống kê thành tỉnh Bắc Ninh
10. Cục Thống kê thành tỉnh Vĩnh Phúc
11. Cục Thống kê thành tỉnh Quảng Ninh

II. Cụm các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc

1. Cục Thống kê thành tỉnh Lai Châu
2. Cục Thống kê thành tỉnh Điện Biên
3. Cục Thống kê thành tỉnh Sơn La
4. Cục Thống kê thành tỉnh Cao Bằng
5. Cục Thống kê thành tỉnh Lạng Sơn
6. Cục Thống kê thành tỉnh Lai Châu
7. Cục Thống kê thành tỉnh Hà Giang

III. Cụm các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc

1. Cục Thống kê thành tỉnh Bắc Giang
2. Cục Thống kê thành tỉnh Thái Nguyên
3. Cục Thống kê thành tỉnh Bắc Kạn
4. Cục Thống kê thành tỉnh Tuyên Quang
5. Cục Thống kê thành tỉnh Phú Thọ
6. Cục Thống kê thành tỉnh Yên Bái
7. Cục Thống kê thành tỉnh Hòa Bình

IV. Cụm các tỉnh Bắc Trung Bộ

1. Cục Thống kê thành tỉnh Thanh Hóa
2. Cục Thống kê thành tỉnh Nghệ An
3. Cục Thống kê thành tỉnh Hà Tĩnh
4. Cục Thống kê thành tỉnh Quảng Bình
5. Cục Thống kê thành tỉnh Quảng Trị
6. Cục Thống kê thành tỉnh Thừa Thiên Huế

V. Cụm các tỉnh Duyên hải miền Trung

1. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng
2. Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam
3. Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi
4. Cục Thống kê tỉnh Bình Định
5. Cục Thống kê tỉnh Phú Yên
6. Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa

VI. Cụm các tỉnh Tây Nguyên

1. Cục Thống kê tỉnh Kon Tum
2. Cục Thống kê tỉnh Gia Lai
3. Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk
4. Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông
5. Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng

VII. Cụm các tỉnh miền Tây Nam Bộ 1

1. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ
2. Cục Thống kê tỉnh Long An
3. Cục Thống kê tỉnh Bến Tre
4. Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
5. Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp
6. Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long
7. Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh

VIII. Cụm các tỉnh miền Tây Nam Bộ 2

1. Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang
2. Cục Thống kê tỉnh An Giang
3. Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang
4. Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng
5. Cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu
6. Cục Thống kê tỉnh Cà Mau

IX. Cụm các tỉnh miền Đông Nam Bộ

1. Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh
2. Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh
3. Cục Thống kê tỉnh Bình Phước
4. Cục Thống kê tỉnh Bình Dương
5. Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
6. Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
7. Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận
8. Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận./.

Phụ lục 5
DANH SÁCH
NHÓM THI ĐUA: CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TỔNG CỤC THỐNG KÊ

I. Nhóm I

1. Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin
2. Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia
3. Vụ Thống kê Tổng hợp
4. Vụ Thống kê Giá

II. Nhóm II

1. Vụ Thống kê Công nghiệp
2. Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản
3. Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ
4. Vụ Thống kê Xây dựng và Vốn đầu tư
5. Vụ Thống kê Dân số và Lao động
6. Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường

III. Nhóm III

1. Vụ Tổ chức cán bộ
2. Vụ Kế hoạch tài chính
3. Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế
4. Vụ Pháp chế, Tuyên truyền và Thi đua - Khen thưởng
5. Văn phòng
6. Thanh tra

IV. Nhóm IV

1. Trung tâm Tư liệu và Dịch vụ Thống kê
2. Trung tâm Tin học Thống kê khu vực I
3. Trung tâm Tin học Thống kê khu vực II
4. Trung tâm Tin học Thống kê khu vực III
5. Tạp chí Con số và Sự kiện
6. Viện khoa học Thống kê
7. Nhà Xuất bản Thống kê
8. Trường Cao đẳng Thống kê
9. Trường Trung cấp Thống kê